

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công nhiệm vụ theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Công điện số 11/CD-BKHĐT ngày 12/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 283/SKHĐT-TH ngày 23/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công nhiệm vụ các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các chủ đầu tư theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công năm 2024 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện.

1. Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công các dự án được phân công phụ trách, bảo đảm đến hết năm 2024 giải ngân đạt 95%-100% kế hoạch giao.

b) Kiểm tra thực tế các dự án, tổ chức làm việc với các chủ đầu tư, nắm bắt kịp thời tình hình thực hiện của từng dự án được phân công theo dõi để chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các chủ đầu tư và các Ban quản lý dự án:

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án được phân công; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các dự án trong phạm vi thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công là

căn cứ chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2024 của các ngành, địa phương, người đứng đầu và các cá nhân liên quan.

3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, chịu trách nhiệm chung về việc theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024.

b) Tham mưu các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức đoàn đi kiểm tra thực tế các dự án để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

4. Giám đốc Sở Tài chính:

Ưu tiên đảm bảo đủ nguồn vốn cho đầu tư phát triển, nhập tabmis cho các dự án kịp thời để các chủ đầu tư giải ngân vốn. Định kỳ tổng hợp báo cáo gửi UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) tình hình nhập tabmis của từng dự án và tình hình giải ngân nguồn thu sử dụng đất và nguồn bội chi ngân sách địa phương để theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo.

5. Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố, thị xã:

Hướng dẫn các chủ đầu tư, đơn vị lập hồ sơ thanh toán; tập trung xử lý các khó khăn, vướng mắc (nếu có) để giải ngân vốn kịp thời. Định kỳ báo cáo tình hình giải ngân gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

6. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, các sở quản lý xây dựng chuyên ngành (nhất là Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn): Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tập trung ưu tiên xử lý hồ sơ thủ tục liên quan các dự án để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo giải ngân hết số vốn được giao.

7. UBND các huyện, thành phố, thị xã: Tập trung giải quyết công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, kịp thời bàn giao mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố, thị xã; các chủ đầu tư, Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Ngũ).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Trung

Phụ lục 1: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO ĐÔI, CHỈ ĐẠO, ĐƠN ĐỐC TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐỐI VỚI PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC UBND TỈNH: LÊ HỒNG VINH

(Kèm theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đơn đốc tiến độ thực hiện	
				Tổng số	Nguồn NSTW			Nguồn NSDP
					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
	Tổng số			1.969.630	819.944	37.970	1.111.716	
A	Đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển			832.000	668.000	0	164.000	
1	Dự án đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76	7898943	Sở Giao thông Vận tải	832.000	668.000		164.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
B	Đầu tư cho các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14			1.137.630	151.944	37.970	947.716	
I	Dự án hoàn thành			6.000	0	0	6.000	
1	Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	7872416	Sở Kế hoạch và Đầu tư	6.000			6.000	
II	Các dự án chuyển tiếp			889.911	151.944	37.970	699.997	
1	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường ĐT.534C đi cửa khẩu Vèo (đoạn từ Km20+00 đến Km37+22), huyện Anh Sơn	7938866	UBND huyện Anh Sơn	30.000			30.000	Sở Giao thông vận tải
2	Nâng cấp tuyến đường du lịch từ QL7 đến khu du lịch thác Khe Kém, huyện Con Cuông	7940883	UBND huyện Con Cuông	11.200	11.200			Sở Giao thông vận tải
3	Đường giao thông từ xã Cam Lâm đi xã Đôn Phục, huyện Con Cuông (giai đoạn 1)	7948056	UBND huyện Con Cuông	4.784			4.784	Sở Giao thông vận tải
4	Đường GT từ QL7A đến khu dân cư cao tầng, trung tâm đô thị Con Cuông	7229113	UBND huyện Con Cuông	6.782			6.782	Sở Xây dựng
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối từ QL1A đến QL7A (tuyến đi qua các xã Diễn An, Diễn Lộc, Diễn Phú, Diễn Lợi và Minh Châu, huyện Diễn Châu)	7960338	UBND huyện Diễn Châu	36.665	36.665			Sở Giao thông vận tải
6	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông: Tuyến liên xã Diễn Yên, Diễn Hoàng, Diễn Hùng; Tuyến Quốc lộ 1- Diễn Phong, huyện Diễn Châu	7940584	UBND huyện Diễn Châu	20.000			20.000	Sở Giao thông vận tải
7	Tuyến đường giao thông liên xã Diễn Lộc, Diễn An, Diễn Phú	7940585	UBND huyện Diễn Châu	25.000			25.000	Sở Giao thông vận tải
8	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông Khuôn - Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.	7588342	UBND huyện Đô Lương	5.000	5.000			Sở Giao thông vận tải
9	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Trảng Minh nối QL.15A từ đèo Quả Sơn đến QL.7A tại vị trí đèo Đức Hoàng, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	7948054	UBND huyện Đô Lương	10.000			10.000	Sở Giao thông vận tải
10	Đường vào Khu công nghiệp Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên	7941154	UBND huyện Hưng Nguyên	20.000	20.000			Sở Giao thông vận tải
11	Đường giao thông nối QL 46A với đường 542C qua xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên	7941164	UBND huyện Hưng Nguyên	3.000			3.000	Sở Giao thông vận tải
12	Đường giao thông liên xã từ xã Tây Sơn đến xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	7945859	UBND huyện Kỳ Sơn	12.050			12.050	Sở Giao thông vận tải
13	Nâng cấp mở rộng một số tuyến đường trên địa bàn huyện Nam Đàn (Tuyến huyện ĐH08 tuyến Cồn Bụt - Nam Lĩnh đoạn QL46C đến đường Vành đai phía Bắc; tuyến từ ngã tư Cầu Đòn đến Đê 42 thị trấn Nam Đàn)	8007245	UBND huyện Nam Đàn	9.948			9.948	Sở Giao thông vận tải
14	Tuyến đường nối huyện Nghi Lộc với thị xã Cửa Lò (đoạn từ QL46 qua đường Chợ Sơn - Phúc Thọ đến đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An))	7947440	UBND huyện Nghi Lộc	17.850			17.850	Sở Giao thông vận tải
15	Nâng cấp tuyến đường vào vùng nguyên liệu của dự án chăn nuôi bò sữa TH huyện Nghĩa Đàn	7943327	UBND huyện Nghĩa Đàn	15.000			15.000	Sở Giao thông vận tải

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đơn đốc tiến độ thực hiện	
				Tổng số	Nguồn NSTW			Nguồn NSDP
					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
16	Đường giao thông liên xã Nghĩa Đức đi Nghĩa Hiếu, Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Đàn	7944912	UBND huyện Nghĩa Đàn	10.000			10.000	Sở Giao thông vận tải
17	Xây dựng các cầu trọng yếu và các tuyến đường hai đầu cầu trên địa bàn huyện Quế Phong (Cầu Na Phây - Đôn Chám, xã Mường Nọc; Cầu vượt lũ bản Cẩm, xã Cẩm Muộn; Cầu Long Thắng và đường vào khu tái định cư (các điểm dân cư bản Xáng - bản Quạ), xã Hạnh Dịch)	7954768	UBND huyện Quế Phong	12.230			12.230	Sở Giao thông vận tải
18	Đường giao thông nông thôn xã Tiên Phong (Tuyến đường từ bản Na Chạng đi bản Na Sánh), huyện Quế Phong	7985226	UBND huyện Quế Phong	7.000			7.000	Sở Giao thông vận tải
19	Cầu Châu Thắng, huyện Quỳnh Châu	7952561	UBND huyện Quỳnh Châu	14.675			14.675	Sở Giao thông vận tải
20	Đường giao thông liên xã Châu Đình - Bản Khúa xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp	8030843	UBND huyện Quỳnh Hợp	10.000			10.000	Sở Giao thông vận tải
21	Đường giao thông liên huyện từ Bản Choong - Bản Bồn, xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp đến xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	7985875	UBND huyện Quỳnh Hợp	15.000			15.000	Sở Giao thông vận tải
22	Tuyến đường tránh QL 1A đoạn Quỳnh Hậu - Quỳnh Hồng - Quỳnh Diễn - Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu	7941162	UBND huyện Quỳnh Lưu	5.000	5.000			Sở Giao thông vận tải
23	Cầu Quỳnh Nghĩa tại Km6+00 trên tuyến đường tỉnh 537B, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	7938468	UBND huyện Quỳnh Lưu	60.000			60.000	Sở Giao thông vận tải
24	Cải tạo nâng cấp đường nối ĐT534B từ xã Tân An, huyện Tân Kỳ với ĐT534D tại xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ đi đường Hồ Chí Minh và đi Cây Chanh huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	7939857	UBND huyện Tân Kỳ	25.691	10.691		15.000	Sở Giao thông vận tải
25	Đường giao thông nối QL 46 đi xã Ngọc Sơn với xã Nam Hưng, huyện Nam Đàn và QL15	7942175	UBND huyện Thanh Chương	35.000			35.000	Sở Giao thông vận tải
26	Cầu Đò Cung bắc qua Sông Lam, huyện Thanh Chương	7942176	UBND huyện Thanh Chương	30.000			30.000	Sở Giao thông vận tải
27	Xây dựng các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Thanh Chương (tuyến đường nối từ đường mòn Hồ Chí Minh đi vào vùng nguyên liệu trồng chè, cam thuộc xóm Thành Công - xí nghiệp chè Hạnh Lâm xã Thanh Đức; Tuyến nối QL46C đi xóm Tân Hợp, xã Thanh Tiên)	7969776	UBND huyện Thanh Chương	15.000			15.000	Sở Giao thông vận tải
28	Đường giao thông liên vùng Lãng Thành - Phú Thành, huyện Yên Thành nối Đường tỉnh 538	8040712	UBND huyện Yên Thành	10.000			10.000	Sở Giao thông vận tải
29	Nâng cấp đường giao thông vùng nguyên liệu cho dự án chế biến gỗ tại huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	8052259	UBND huyện Yên Thành	23.000			23.000	Sở Giao thông vận tải
30	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 18m nối Quốc Lộ 46 với Đại lộ Vinh - Cửa Lò, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.	7941166	UBND Thành phố Vinh	10.000	10.000			Sở Xây dựng
31	Xây dựng tuyến đường thoát nước dọc đường V.I.Lê Nin, Trường Thi, thành phố Vinh	7945097	UBND thành phố Vinh	27.500			27.500	Sở Xây dựng
32	Đường giao thông từ Quốc lộ 46 đến bến 5, bến 6 cảng Cửa Lò	7954852	UBND thị xã Cửa Lò	50.675			50.675	Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng
33	Đường giao thông nối QL48E đi xã Quỳnh Liên và đoạn Quỳnh Trang - Quỳnh Tân	7933119	UBND thị xã Hoàng Mai	10.000			10.000	Sở Giao thông vận tải
34	Xây dựng tuyến đường giao thông phát triển du lịch thị xã Hoàng Mai (tuyến nối từ Quốc lộ 48D đi Trung tâm xã Quỳnh Trang - hồ Vực Mấu; Tuyến nối Quốc lộ 1A đi khu di tích lịch sử Quốc gia hàng Hóa Tiến)	7933636	UBND thị xã Hoàng Mai	33.000			33.000	Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng
35	Cầu Khe Dền và đường 2 đầu cầu phường Quang Phong, thị xã Thái Hòa	7987163	UBND thị xã Thái Hòa	10.000			10.000	Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải
36	Đường giao thông từ QL 48D đến đường ngang N8 (trước công trường trung cấp nghề Miền Tây)	7948639	UBND thị xã Thái Hòa	1.950			1.950	Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng
37	Đường giao thông nối từ Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ)	7910079	Sở Giao thông vận tải	67.070	22.070		45.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đơn đốc tiến độ thực hiện	
				Tổng số	Nguồn NSTW			Nguồn NSĐP
					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
38	Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2)	7910078	Sở Giao thông vận tải	76.653			76.653	Sở Kế hoạch và Đầu tư
39	Cải tạo, sửa chữa ĐT.539C đoạn Km7 - Km16+500	7918117	Sở Giao thông vận tải	2.200			2.200	Sở Kế hoạch và Đầu tư
40	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông các xã vùng CT229 huyện Quỳnh Châu (Châu Hội, Châu Thuận, Châu Bình, Châu Nga)	7952560	UBND huyện Quỳnh Châu	8.818	8.818			Sở Giao thông vận tải
41	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò - GĐ II	7086974	UBND thị xã Cửa Lò	17.700			17.700	Sở Xây dựng
42	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hoàng Mai thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ"	7893742	UBND thị xã Hoàng Mai	39.970		37.970	2.000	Sở Xây dựng
43	Đường giao thông từ bản Phà Khảo, xã Mai Sơn, huyện Tương Dương đến cột mốc 390	7004686	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nghệ An	12.000			12.000	Sở Giao thông vận tải
44	Đường giao thông phục vụ Quốc phòng - An ninh biên giới đoạn nối từ đường Mường Xén - Ta Đò - Khe Kiềm lên đường tuần tra biên giới, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An	7004686	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An	22.500	22.500			Sở Giao thông vận tải
III	Các dự án khởi công mới			241.719	0	0	241.719	
1	Nâng cấp đường tỉnh 542E đoạn từ thị trấn Hưng Nguyên (điểm giao cắt với Quốc lộ 46) đến xã Hưng Tây (điểm giao cắt với đường 72m Vinh- Hưng Nguyên) (giai đoạn 1)		UBND huyện Hưng Nguyên	12.179			12.179	Sở Giao thông vận tải
2	Đường giao thông nối QL46 đến Khu di tích Kim Liên và đền Nhân Tháp, xã Hồng Long, huyện Nam Đàn		UBND huyện Nam Đàn	500			500	Sở Giao thông vận tải
3	Cải tạo, mở rộng tuyến đường Chợ Sơn-Phúc Thọ (đoạn từ đường Nguyễn Sinh Cung đi đại lộ Vinh- Cửa Lò), huyện Nghi Lộc		UBND huyện Nghi Lộc	12.000			12.000	Sở Giao thông vận tải
4	Tuyến đường du lịch ven lòng hồ chứa nước bản Mông, huyện Quỳnh Châu		UBND huyện Quỳnh Châu	15.000			15.000	Sở Giao thông vận tải
5	Xây dựng các tuyến đường trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu (đường du lịch biển Quỳnh Nghĩa và đường vào khu Quảng trường và công viên trung tâm huyện)		UBND huyện Quỳnh Lưu	10.990			10.990	Sở Giao thông vận tải
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông và các công trình trên tuyến trên địa bàn huyện Tân Kỳ (Tuyến Lạt - Làng Rào, Hương Sơn - Phú Sơn, Đồng Lau- Thung Mòn)		UBND huyện Tân Kỳ	15.000			15.000	Sở Giao thông vận tải
7	Cầu Mỏ Vĩnh bắc qua sông Rộ, huyện Thanh Chương		UBND huyện Thanh Chương	10.000			10.000	Sở Giao thông vận tải
8	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện Tương Dương (Đường nội thị thị trấn Thạch Giám; Cầu Văng Ông thuộc tuyến xã Yên Thắng đi xã Xiêng Mý; Đường Huồi Sơn - Phà Lôm, xã Tam Hợp)		UBND huyện Tương Dương	18.150			18.150	Sở Giao thông vận tải
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ quốc lộ 7B - khu di tích lịch sử quốc gia Phan Đăng Lưu, xã Hoa Thành qua Quốc lộ 48E đến tượng đài đồng chí Phan Đăng Lưu tại Thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành	8051973	UBND huyện Yên Thành	10.000			10.000	Sở Giao thông vận tải
10	Đường giao thông từ ĐH.238 đi QL.48E, đoạn qua xã Quang Thành, huyện Yên Thành		UBND huyện Yên Thành	8.000			8.000	Sở Giao thông vận tải
11	Tuyến đường tránh QL48 đoạn qua trung tâm đô thị Thái Hòa	7952443	UBND thị xã Thái Hòa	40.000			40.000	Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng
12	Xây dựng tuyến đường tránh thị trấn Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	7962588	Sở Giao thông vận tải	40.000			40.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đơn đốc tiến độ thực hiện	
				Tổng số	Nguồn NSTW			Nguồn NSDP
					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài		
13	Trụ sở làm việc Công an các xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An (giai đoạn 1)		Công an tỉnh Nghệ An	33.900			33.900	Sở Xây dựng
14	Các dự án Bộ chỉ huy quân sự tỉnh là chủ đầu tư giao tại Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An	16.000			16.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục 2: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO DÕI, CHỈ ĐẠO, ĐÓN ĐÓC TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐỐI VỚI PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH: BÙI THANH AN

(Kèm theo Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đón đốc tiến độ thực hiện
				Tổng số	Trong đó:		
					Nguồn NSTW	Nguồn NSDP	
	Tổng số			141.284	69.026	72.258	
I	Các dự án chuyển tiếp			107.484	45.026	62.458	
1	Kênh thoát nước dọc đường N5 Khu kinh tế Đông Nam	7908772	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	25.000	25.000		Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Cầu vượt đường sắt tại đường N2 - Khu Kinh tế Đông Nam	7908763	Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam	20.026	20.026		Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Xây dựng Trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Anh Sơn	7939101	UBND huyện Anh Sơn	12.500		12.500	Sở Xây dựng
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Na Loi, xã Na Ngoi, xã Keng Đu, xã Chiêu Lưu, xã Mường Típ, xã Mường Ái, xã Mường Lống, huyện Kỳ Sơn	2,2E+08	UBND huyện Kỳ Sơn	15.000		15.000	Sở Xây dựng
5	Nâng cấp Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND và các đoàn thể xã Đông Văn, huyện Quế Phong	7941157	UBND huyện Quế Phong	500		500	Sở Xây dựng
6	Nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND và các đoàn thể xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	8014420	UBND huyện Tân Kỳ	1.000		1.000	Sở Xây dựng
7	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Thắng, xã Xiêng My, xã Tam Hợp, xã Hữu Khuông, xã Nhôn Mai và xã Mai Sơn, huyện Tương Dương	7939848	UBND huyện Tương Dương	10.000		10.000	Sở Xây dựng
8	Trụ sở làm việc cơ quan khối dân huyện Tương Dương	8013247	UBND huyện Tương Dương	3.850		3.850	Sở Xây dựng
9	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Nghệ An	7947437	Đảng ủy khối doanh nghiệp tỉnh Nghệ An	1.700		1.700	Sở Xây dựng
10	Nhà làm việc, các công trình phụ trợ huyện ủy Kỳ Sơn và nhà các cơ quan trực thuộc huyện ủy	7961297	Huyện ủy Kỳ Sơn	10.000		10.000	Sở Xây dựng
11	Tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp Hưng Đông, thành phố Vinh	7434223	UBND thành phố Vinh	7.908		7.908	Sở Giao thông vận tải
II	Các dự án khởi công mới			33.800	24.000	9.800	
1	Xây dựng khu hành chính (Huyện ủy, HĐND - UBND và các đoàn thể) huyện Con Cuông.		UBND huyện Con Cuông	9.800		9.800	Sở Xây dựng
2	Kho lưu trữ chuyên dụng - Trụ sở Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An	7387835	Sở Nội vụ	24.000	24.000		Sở Xây dựng

Phụ lục 3: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO ĐỘI, CHỈ ĐẠO, ĐƠN ĐỐC TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐỐI VỚI PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH: BÙI ĐÌNH LONG

(Kèm theo Quyết định số 329 /QĐ-UBND ngày 07 /02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đơn đốc tiến độ thực hiện
				Tổng số	Trong đó:		
					Nguồn NSTW	Nguồn NSDP	
	Tổng số			1.754.627	1.497.100	257.527	
A	Các dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội			263.510	263.510	0	
1	Dự án Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc	8012027	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam- Hàn Quốc	9.310	9.310		Sở Xây dựng, Sở Tài chính
2	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 08 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Nghệ An	8015170	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	55.800	55.800		Sở Y tế, Sở Xây dựng
3	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nghệ An	8014135	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	37.000	37.000		Sở Y tế, Sở Tài chính
4	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 28 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Nghệ An	8014136	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	161.400	161.400		Sở Y tế, Sở Tài chính
B	Dự án có tính liên kết vùng, đường ven biển			130.000	100.000	30.000	
1	Xây dựng Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An (giai đoạn 2)	7912601	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	130.000	100.000	30.000	Sở Y tế, Sở Xây dựng
C	Đầu tư cho các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14			314.627	87.100	227.527	
I	Các dự án chuyển tiếp			276.673	87.100	189.573	
1	Đầu tư nâng cao năng lực đo lường và thử nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nghệ An	7946944	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Nghệ An	7.000		7.000	Sở Khoa học - Công nghệ
2	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiêu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2", tiểu dự án tỉnh Nghệ An	7813233	Sở Du lịch	13.753		13.753	Sở Xây dựng
3	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, rác thải các bệnh viện tỉnh Nghệ An sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức	7617618	Sở Y tế	1.000		1.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Dự án tăng cường hệ thống y tế tuyến tỉnh, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2023	7960132	Sở Y tế	1.000		1.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Xây dựng khu trung tâm thể dục thể thao huyện Nghi Lộc tại thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc	7855198	UBND huyện Nghi Lộc	13.000		13.000	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng
6	Nhà văn hóa xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	8020603	UBND huyện Quế Phong	1.000		1.000	Sở Văn hóa và Thể thao
7	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	7511146	UBND huyện Quỳnh Lưu	1.000		1.000	Sở Văn hóa và Thể thao
8	Xây dựng cơ sở vật chất khu Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông huyện Tân Kỳ		UBND huyện Tân Kỳ	4.000		4.000	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng
9	Lâm viên Báu Sen, thị xã Thái Hòa (giai đoạn 1)	7939859	UBND thị xã Thái Hòa	5.000		5.000	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng
10	Xây dựng cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	7981008	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	1.000		1.000	Sở Y tế, Sở Xây dựng
11	Xây dựng cơ sở vật chất Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	7927059	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Chương	7.400		7.400	Sở Y tế, Sở Xây dựng
12	Xây dựng và cải tạo một số hạng mục bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành		Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	8.649		8.649	Sở Y tế, Sở Xây dựng
13	Xây dựng mới nhà khám bệnh và điều trị tổng hợp Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	7931295	Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	50.000		50.000	Sở Y tế, Sở Xây dựng
14	Đầu tư hệ thống máy quay phim, thiết bị điều khiển xử lý tín hiệu chuẩn 4K/UHDTV, hệ thống âm thanh ánh sáng chuyên nghiệp tại Trường quay lớn	7950603	Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An	3.730		3.730	Sở Tài chính
15	Xây dựng công trình vệ sinh cho các trường học trên địa bàn tỉnh	7970819	Sở Giáo dục và Đào tạo	9.000		9.000	Sở Xây dựng
16	Cơ sở Cai nghiện ma túy bắt buộc số III tỉnh Nghệ An.	7951385	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	13.409	13.409		Sở Xây dựng
17	Xây dựng Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Miền Tây Nghệ An (giai đoạn 2)	7926488	Sở Lao động, thương binh và xã hội	3.547		3.547	Sở Xây dựng
18	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ Việt Lào (phần mở rộng khu A)	7951085	Sở Lao động, thương binh và xã hội	5.000		5.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đơn đốc tiến độ thực hiện
				Tổng số	Trong đó:		
					Nguồn NSTW	Nguồn NSDP	
19	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hoành Sơn tại xã Khánh Sơn	8009013	Sở Văn hóa và Thể thao	8.000		8.000	Sở Xây dựng
20	Tu bổ, tôn tạo Đình Đông Viên tại xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn		Sở Văn hóa và Thể thao	4.000		4.000	Sở Xây dựng
21	Nâng cấp bảo tàng văn hóa các dân tộc miền Tây Nghệ An tại huyện Quỳnh Châu		Sở Văn hóa và Thể thao	3.000		3.000	Sở Xây dựng
22	Xây dựng mới nhà tập luyện đa năng tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao	7947442	Sở Văn hóa và Thể thao	2.500		2.500	Sở Xây dựng
23	Xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An	7920466	Sở Y tế Nghệ An	73.691	73.691		Sở Xây dựng
24	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng một số hạng mục Trường PT Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An	7932522	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An	995		995	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
25	Xây dựng nhà hiệu bộ và cải tạo một số hạng mục Trường THPT Diễn Châu 4	8009320	Trường THPT Diễn Châu 4	5.875		5.875	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
26	Xây dựng nhà học, các hạng mục phụ trợ Trường THPT Đô Lương 3	220220003	Trường THPT Đô Lương 3	8.700		8.700	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
27	Xây dựng mới một số hạng mục Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Nghệ An	7928562	Trường THPT DTNT tỉnh Nghệ An	2.000		2.000	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
28	Xây dựng nhà học bộ môn và cải tạo, nâng cấp nhà học Trường THPT Mường Qua	7948317	Trường THPT Mường Qua	1.500		1.500	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
29	Cải tạo, nâng cấp nhà học, xây mới nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nghi Lộc 3, huyện Nghi Lộc	7948318	Trường THPT Nghi Lộc 3	1.000		1.000	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
30	Cải tạo, nâng cấp nhà học và xây dựng nhà học 3 tầng Trường THPT Quỳnh Hợp 3	7943677	Trường THPT Quỳnh Hợp 3	1.500		1.500	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
31	Xây dựng nhà học và một số hạng mục Trường THPT Quỳnh Lưu 3	8021101	Trường THPT Quỳnh Lưu 3	6.550		6.550	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
32	Cải tạo nhà học 3 tầng và xây dựng một số hạng mục Trường THPT Thanh Chương 3	7965262	Trường THPT Thanh Chương 3	3.550		3.550	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
33	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng một số hạng mục Trường THPT Tương Dương 2	7947443	Trường THPT Tương Dương 2	1.324		1.324	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
34	Xây dựng mới nhà học bộ môn, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hà Huy Tập	8031356	Trường trung học phổ thông Hà Huy Tập	4.000		4.000	Sở Giáo dục- đào tạo, Sở Xây dựng
II	Các dự án khởi công mới			37.954	0	37.954	
1	Hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An		Sở Thông tin và Truyền thông	5.000		5.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Nhà văn hóa xã Nam Cát huyện Nam Đàn		UBND xã Nam Cát huyện Nam Đàn	1.400		1.400	Sở Văn hóa và Thể thao
3	Xây dựng nhà văn hóa xóm Quảng xá, xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn		UBND xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn	240		240	Sở Văn hóa và Thể thao
4	Xây dựng cơ sở vật chất khu hội trường văn hoá huyện Nghĩa Đàn		UBND huyện Nghĩa Đàn	10.000		10.000	Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng
5	Xây dựng Sân vận động xã Nghĩa Thọ huyện Nghĩa Đàn		UBND xã Nghĩa Thọ huyện Nghĩa Đàn	720		720	Sở Văn hóa và Thể thao
6	Nhà văn hóa Bán Quỳnh xã Quang Phong, huyện Quỳnh Phong		UBND huyện Quỳnh Phong	320		320	Sở Văn hóa và Thể thao
7	Nhà văn hóa Bán Cẩm Phòm, xã Cẩm Muộn, huyện Quỳnh Phong		UBND huyện Quỳnh Phong	320		320	Sở Văn hóa và Thể thao
8	Xây dựng nhà văn hóa Bán Cà, xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp		UBND xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp	320		320	Sở Văn hóa và Thể thao
9	Nhà văn hóa xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp		UBND xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp	2.800		2800	Sở Văn hóa và Thể thao
10	Sân vận động Quỳnh Thanh, huyện Quỳnh Lưu		UBND xã Quỳnh Thanh, huyện Quỳnh Lưu	480		480	Sở Văn hóa và Thể thao
11	Nhà văn hóa xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương		UBND xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương	1.400		1.400	Sở Văn hóa và Thể thao
12	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa xóm Gia Hội, xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương;		UBND xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương	240		240	Sở Văn hóa và Thể thao
13	Nhà văn hóa xóm Hưng Lập, xã Nghĩa Tiến Thị xã Thái Hòa		UBND xã Nghĩa Tiến Thị xã Thái Hòa	240		240	Sở Văn hóa và Thể thao
14	Mua sắm trang thiết bị, xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phục vụ công tác trị liệu, cai nghiện ma túy Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn		Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện Phúc Sơn	2.900		2.900	Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và xã hội
15	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Trường Chính trị tỉnh Nghệ An		Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	11.574		11.574	Sở Xây dựng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đơn đốc tiến độ thực hiện
				Tổng số	Trong đó:		
					Nguồn NSTW	Nguồn NSDP	
D	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			1.046.490	1.046.490	0	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững			247.343	247.343		
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			799.147	799.147		

Phụ lục 4: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO DÕI, CHỈ ĐẠO, ĐÓN ĐÓC TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 ĐỐI VỚI PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH: NGUYỄN VĂN ĐỆ

(Kèm theo Quyết định số 329 /QĐ-UBND ngày 07 /02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đón đốc tiến độ thực hiện
				Tổng số	Trong đó:		
					Nguồn NSTW	Nguồn NSDP	
	Tổng số			763.029	492.029	271.000	
A	Đầu tư cho các ngành, lĩnh vực theo Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14			320.300	49.300	271.000	
I	Các dự án chuyển tiếp			303.300	49.300	254.000	
1	Xây dựng hồ chứa nước Khe Rát, xã Hùng Sơn, huyện Anh Sơn	8006686	UBND huyện Anh Sơn	6.900		6.900	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi các xã Diễn Đông, Diễn Liên, Diễn Xuân, Diễn Kỳ huyện Diễn Châu	7940970	UBND huyện Diễn Châu	13.000	13.000		Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu chính xã Diễn Thịnh, Diễn Trung, Diễn An và các tuyến kênh tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các khu dân cư xóm 5, 6 và 7 xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu	7955184	UBND huyện Diễn Châu	20.000		20.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước cho các xã Đông Sơn, Trảng Sơn, Lưu Sơn, Đà Sơn, Yên Sơn, Lạc Sơn và thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương	1,42E+08	UBND huyện Đô Lương	10.000		10.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên	7577614	UBND huyện Hưng Nguyên	10.000	10.000		Sở Nông nghiệp và PTNT
6	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm và hệ thống kênh tưới xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên	7992639	UBND huyện Hưng Nguyên	10.000		10.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
7	Xây dựng CSHT khu tái định cư tại bản Cò Mý để di dời khẩn cấp người dân vùng sạt lở bản Xốp Phe, xã Mường Típ, huyện Kỳ Sơn	8015171	UBND huyện Kỳ Sơn	6.000		6.000	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng
8	Xây dựng hồ chứa nước Bùng Bùng, xã Khánh Sơn và cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Thiên Nhân (đoạn từ xã Khánh Sơn đến xã Nam Kim), huyện Nam Đàn	7948144	UBND huyện Nam Đàn	21.800		21.800	Sở Nông nghiệp và PTNT
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Rào Trường, đoạn qua các xã Nghi Trung, Nghi Trường, Nghi Thịnh, Nghi Long và Nghi Xá huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	7998001	UBND huyện Nghi Lộc	13.600	13.600		Sở Nông nghiệp và PTNT
10	Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước Đức Trung, xã Nghĩa Đức; C3 Tân Thọ, xã Nghĩa Thọ và kênh tưới, tiêu xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	2,2E+08	UBND huyện Nghĩa Đàn	5.000		5.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
11	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Ké Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	7506397	UBND huyện Quỳnh Châu	3.000		3.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
12	Cải tạo, nâng cấp đập Bù Chải, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	2,2E+08	UBND huyện Tân Kỳ	6.684		6.684	Sở Nông nghiệp và PTNT
13	Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa nước, kênh tưới và hạ tầng sản xuất cánh đồng lớn, liên kết sản xuất lúa giống huyện Yên Thành	7986517	UBND huyện Yên Thành	10.000	10.000		Sở Nông nghiệp và PTNT
14	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Đập Mây, xã Lý Thành và hồ chứa nước Côn Côn, xã Bảo Thành, huyện Yên Thành	7946420	UBND huyện Yên Thành	6.000		6.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
15	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	7560611	UBND thị xã Hoàng Mai	2.000	2.000		Sở Nông nghiệp và PTNT
16	Dự án xây dựng mẫu các khu định cư làng chài trên sông Lam huyện Thanh Chương	7169336	Chi cục Phát triển nông thôn	3.000		3.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
17	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tây Bắc	7958538	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tây Bắc Nghệ An	33.100		33.100	Sở Nông nghiệp và PTNT
18	Cải tạo, nâng cấp kênh chính hồ chứa nước Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu	8018669	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	12.500		12.500	Sở Nông nghiệp và PTNT
19	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Đồi Tương	8018880	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	2.000		2.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
20	Cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh tưới chính hồ chứa nước Vực Mấu	8006685	Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Nghệ An	8.697		8.697	Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2024			Đơn vị phối hợp với chủ đầu tư để đôn đốc tiến độ thực hiện
				Tổng số	Trong đó:		
					Nguồn NSTW	Nguồn NSDP	
21	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm và trạm bơm Thanh Phong, tuyến đê bao sông Khe Cái thuộc Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam	7925743	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	9.500		9.500	Sở Nông nghiệp và PTNT
22	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Chợ Cầu, trạm bơm Thọ Sơn thuộc hệ thống Thủy Lợi Nam	7941204	Công ty TNHH MTV thủy lợi Nam Nghệ An	13.836		13.836	Sở Nông nghiệp và PTNT
23	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Phú Quý	7948814	Công ty TNHH thủy lợi Phú Quý	10.000		10.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
24	Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi thuộc Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	2,2E+08	Công ty TNHH thủy lợi Tân Kỳ	7.000		7.000	Sở Nông nghiệp và PTNT
25	Cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối, kênh và công trình trên kênh các trạm bơm dọc sông Lam qua các huyện Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương	7916817	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11.300		11.300	Sở Kế hoạch và Đầu tư
26	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh và công trình trên kênh cho các hồ chứa đã được Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ	7916818	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.000		3.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
27	Hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Hợp phần Tỉnh Nghệ An)	7585525	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30.000		30.000	Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên môi trường, UBND các huyện: Thái Hoà, Cửa Lò, Yên Thành, Nam Đàn, Hưng Nguyên, thành phố Vinh
28	Dự án hiện đại hóa lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Nghệ An	7722210	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.000		4.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
29	Khảo sát địa hình, lập quy hoạch chung xây dựng Khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung Bộ đến năm 2045	8059558	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.683		2.683	Sở Kế hoạch và Đầu tư
30	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nghệ An	7746259	Sở Tài nguyên Môi trường	700	700		Sở Kế hoạch và Đầu tư
31	Đường cứu hộ, cứu nạn trong vùng mưa lũ hạ du sông Cả (giai đoạn 1), tỉnh Nghệ An	7278379	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8.000		8.000	Sở Giao thông vận tải
II	Dự án khởi công mới			17.000	0	17.000	
1	Xây dựng Hệ thống Trạm bơm Sơn Thành - Nghi Văn, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành và xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17.000		17.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
B	Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới			442.729	442.729	0	